

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-E-199 INSTEAD.

LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-E-199 BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

STATE OF NORTH CAROLINA
TIỂU BANG NORTH CAROLINA

File No.
Số Hồ Sơ

In The General Court Of Justice
Superior Court Division
Before The Clerk
Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý
Phân Bộ Tòa Án Thượng Thẩm
Trước Lục Sự Tòa Án

_____ County
Quận/hạt _____

IN THE MATTER OF THE ESTATE OF:
VỀ QUỸ DI SẢN CỦA:

APPLICATION FOR PROBATE
(WITHOUT QUALIFICATION OF A
PERSONAL REPRESENTATIVE)

Name, Street Address, City, State, And Zip Code Of Decedent
Tên, số nhà và tên đường, thành phố, tiểu bang và mã bưu chính của người đã mất

AND ADDENDUM (AOC-E-309)
ĐƠN YÊU CẦU CHỨNG THỰC DI CHỨC
(KHÔNG XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN
LÀM ĐẠI DIỆN CÁ NHÂN)
 VÀ PHỤ LỤC (AOC-E-309)

Social Security No. (last four digits)
Số an sinh xã hội (bốn chữ số cuối)

County Of Domicile At Time Of Death
Quận/hạt nơi thường trú vào lúc qua đời

G.S. 28A-2A-1, -2, -5
G.S. 28A-2A-1, -2, -5

Date Of Death (mm/dd/yyyy)
Ngày qua đời (tháng/ngày/năm)

Date Of Will And Codicil(s), If Any
Ngày lập di chúc và (các) phần bổ sung,
nếu có

Place Of Death (If Different From County Of Domicile)
Nơi qua đời (nếu khác với quận/hạt thường trú)

Name, Street Address, P.O. Box, City, State, And Zip Code Of Applicant
Tên họ, số nhà và tên đường, số hộp thư, thành phố, tiểu bang và mã bưu chính
của người nộp đơn

Name, Street Address, P.O. Box, City, State, And Zip Code Of Co-Applicant
Tên họ, số nhà và tên đường, số hộp thư, thành phố, tiểu bang và mã bưu chính của
người cùng nộp đơn

Telephone No.
Số điện thoại

Telephone No.
Số điện thoại

Legal Residence (County, State)
Nơi cư trú hợp pháp (quận/hạt, tiểu bang)

Legal Residence (County, State)
Nơi cư trú hợp pháp (quận/hạt, tiểu bang)

Name, Street Address, P.O. Box, City, State, And Zip Code Of Attorney
Tên họ, số nhà và tên đường, số hộp thư, thành phố, tiểu bang và mã bưu chính
của luật sư

Attorney Bar No.
Mã số Luật Sư Đoàn

Telephone No.
Số điện thoại

I, the undersigned, applying for probate of the decedent's last will and testament in the above estate, being first duly sworn, say that:
Tôi, người ký tên dưới đây, nay xin yêu cầu Tòa Án chứng thực di chúc cuối cùng của người đã mất nêu trên đối với quỹ di sản. Sau khi tuyên thệ theo đúng thủ tục tôi xin khai ra những điều sau đây:

- The decedent was domiciled in this county at the time of the decedent's death or left property or assets in this county.
Người đã mất thường trú ở quận/hạt này vào lúc qua đời, hoặc đã để lại tài sản hay của cải ở quận/hạt này.
- a. I am the executor named in the will.
a. Tôi là người thi hành được chỉ định trong di chúc.
- b. I am a devisee named in the will, no executor has applied to have the will proved within sixty (60) days after the death of the testator, and the named executor(s) has/each have at least ten (10) days' notice of my intent to have the will proved.
b. Tôi là người thừa kế được chỉ định trong di chúc, không có người thi hành nào nộp đơn yêu cầu chứng thực di chúc trong vòng sáu mươi (60) ngày sau ngày người lập di chúc qua đời, và mỗi người thi hành chỉ định trong di chúc đã được thông báo trước ít nhất mười (10) ngày rằng tôi có ý định nộp đơn yêu cầu chứng thực di chúc.
- c. The decedent died on or after January 1, 2012, I am a devisee named in the will, less than sixty (60) days have passed since the death of the testator, no executor has yet applied to have the will proved, the named executor(s) has/each have at least ten (10) days' notice of my intent to have the will proved, and good cause exists to now probate the will in that _____.
- c. Người đã mất qua đời vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2012, tôi là người thừa kế được chỉ định trong di chúc, thời gian kể từ ngày người lập di chúc qua đời đến nay là ít hơn sáu mươi (60) ngày, chưa có người thi hành nào nộp đơn yêu cầu chứng thực di chúc, mỗi người thi hành chỉ định trong di chúc đã được thông báo trước ít nhất mười (10) ngày rằng tôi có ý định nộp đơn yêu cầu chứng thực di chúc, và có lý do chính đáng cần chứng thực di chúc bây giờ, đó là _____.

d. I am a person interested in this estate, my interest is that _____, no executor has applied to have the will proved within sixty (60) days after the death of the testator, and the named executor(s) has/each have at least ten (10) days' notice of my intent to have the will proved.
 Tôi là người quan tâm đến di sản để lại, lý do tôi quan tâm là vì _____, không có người thi hành nào nộp đơn yêu cầu chứng thực di chúc trong vòng sáu mươi (60) ngày sau ngày người lập di chúc qua đời, và mỗi người thi hành chỉ định trong di chúc đã được thông báo trước ít nhất mười (10) ngày rằng tôi có ý định nộp đơn yêu cầu chứng thực di chúc.

e. The decedent died on or after January 1, 2012, I am a person interested in this estate, my interest is that _____, less than sixty (60) days have passed since the death of the testator, no executor has yet applied to have the will proved, the named executor(s) has/each have at least ten (10) days' notice of my intent to have the will proved, and good cause exists to now probate the will in that _____.

e. Người đã mất qua đời vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2012, tôi là người quan tâm đến di sản để lại, lý do tôi quan tâm là vì _____, thời gian kể từ ngày người lập di chúc qua đời đến nay là ít hơn sáu mươi (60) ngày, chưa có người thi hành nào nộp đơn yêu cầu chứng thực di chúc, mỗi người thi hành chỉ định trong di chúc đã được thông báo trước ít nhất mười (10) ngày rằng tôi có ý định nộp đơn yêu cầu chứng thực di chúc, và có lý do chính đáng cần chứng thực di chúc bây giờ, đó là _____.

3. Following the execution of the will, there were no children born to or adopted by the decedent, and the decedent did not thereafter marry or obtain a divorce. (If the facts are otherwise, state them on an attachment.)

Sau khi lập di chúc, người đã mất đã không có thêm con hay nhận con nuôi và cũng không kết hôn hay ly hôn. (Nếu thực tế không phải như vậy, hãy nêu rõ ở một trang đính kèm.)

4. After diligent inquiry, I have determined that the persons listed below are all the persons entitled to share in the decedent's estate. (If there is a court-appointed guardian for any such person(s), list the guardian's name and address on an attachment.)

Sau khi thẩm vấn cẩn kỹ, tôi xác nhận rằng tất cả những người có tên dưới đây đều có quyền được chia phần tài sản của người đã mất. (Nếu có bất kỳ người nào có người giám hộ do Tòa Án chỉ định, hãy ghi tên và địa chỉ của người giám hộ ở một trang đính kèm.)

NAME TÊN, HỌ	AGE TUỔI	RELATIONSHIP QUAN HỆ	MAILING ADDRESS ĐỊA CHỈ GỬI THƯ

VUI LÒNG ĐIỀN VÀO PHIÊN BẢN TIẾNG ANH CỦA MẪU NÀY

Original - File Copy - Applicant
 (Preliminary Inventory On Reverse)
 Bản gốc - Lưu Bản sao - Người nộp đơn
 (Có bảng kiểm kê tài sản sơ bộ ở mặt sau)
 (Over)
 (Xem mặt sau)

**PRELIMINARY INVENTORY
BẢNG KIỂM KÊ TÀI SẢN SƠ BỘ**

*(Give values as of date of decedent's death. Continue on separate attachment if necessary.)
(Cho biết giá trị của từng khoản tài sản tính vào ngày người đã mất qua đời. Tiếp tục ở trang riêng đính kèm, nếu cần.)*

PART I. PROPERTY OF THE ESTATE PHẦN I. TÀI SẢN THUỘC QUỸ DI SẢN		Est. Market Value Ước lượng giá trị thị trường
1.	Accounts solely in the name of decedent <i>(List bank, etc., each account no. and balance.)</i> Các tài khoản đứng tên riêng của người đã mất <i>(Cho biết tên ngân hàng, v.v., cũng như số tài khoản và số dư của từng tài khoản.)</i>	\$
2.	Joint accounts without right of survivorship <i>(List bank, etc., each account no., balance, and joint owners.)</i> Các tài khoản chung không có quyền kiêm hưởng <i>(Cho biết tên ngân hàng, v.v., cũng như số tài khoản, số dư và các chủ của từng tài khoản.)</i>	
	% Owned By Decedent % sở hữu của người đã mất	
	% Owned By Decedent % sở hữu của người đã mất	
	% Owned By Decedent % sở hữu của người đã mất	
	% Owned By Decedent % sở hữu của người đã mất	
3.	Stocks/bonds/securities solely in the name of decedent or jointly owned without right of survivorship Cổ phiếu/trái phiếu/chứng khoán do người đã mất sở hữu riêng hoặc sở hữu chung không có quyền kiêm hưởng	% Owned By Decedent % sở hữu của người đã mất
4.	Cash and undeposited checks on hand Tiền mặt và các chi phiếu chưa đổi thành tiền có sẵn	
5.	Household furnishings Đồ đạc trong nhà	
6.	Farm products, livestock, equipment, and tools Sản phẩm, gia súc, thiết bị và công cụ sử dụng cho trang trại	
7.	Vehicles Xe cộ	
8.	Interests in partnership or sole proprietor businesses Phần quyền lợi trong các doanh nghiệp hợp danh hoặc cá thể	
9.	Insurance, Retirement Plans, IRAs, annuities, etc., payable to Estate Hợp đồng bảo hiểm, chương trình hưu trí, tài khoản tiết kiệm hưu trí cá nhân (IRA), niên kim, v.v. phải trả cho Quỹ di sản	
10.	Notes, judgments, and other debts due decedent Giấy nợ, lệnh trả nợ và các khoản nợ khác phải trả cho người đã mất	
11.	Miscellaneous personal property Các tài sản cá nhân khác	
12.	Real estate willed to the Estate Bất động sản được đưa vào Quỹ di sản theo di chúc	\$
13.	Estimated annual income of Estate Ước lượng tổng thu nhập của Quỹ di sản	
TOTAL PART I. TỔNG TÀI SẢN TRONG PHẦN I.		\$

**PART II. PROPERTY WHICH CAN BE ADDED TO ESTATE IF NEEDED TO PAY CLAIMS
PHẦN II. TÀI SẢN CÓ THỂ ĐƯỢC THÊM VÀO QUỸ DI SẢN NẾU CẦN ĐỂ THANH TOÁN NỢ**

1.	Joint accounts with right of survivorship <i>(List bank, etc., each account no., balance, and joint owners.)</i> Các tài khoản chung có quyền kiêm hưởng <i>(Cho biết tên ngân hàng, v.v., cũng như số tài khoản, số dư và các chủ của từng tài khoản.)</i>	\$

2. Stocks/bonds/securities registered in beneficiary form and immediately transferred on death or jointly-owned with right of survivorship Cổ phiếu/trái phiếu/chứng khoán đã đăng ký người thụ hưởng và được chuyển đến người đó ngay khi chủ sở hữu qua đời, hoặc cổ phiếu/trái phiếu/chứng khoán được sở hữu chung với quyền kèm hưởng			
3. Other personal property recoverable (G.S. 28A-15-10) Các tài sản cá nhân khác có thể thu lại được (G.S. 28A-15-10)			
4. Real estate owned by decedent and not listed elsewhere Bất động sản thuộc quyền sở hữu của người đã mất mà chưa được liệt kê ở chỗ nào khác trong bảng này			
TOTAL PART II.		TỔNG TÀI SẢN TRONG PHẦN II.	
		\$	
PART III. OTHER PROPERTY PHẦN III. TÀI SẢN KHÁC			
1. There <input type="checkbox"/> is <input type="checkbox"/> is not entireties real estate owned by decedent and spouse. Người đã mất và vợ/chồng <input type="checkbox"/> có <input type="checkbox"/> không sở hữu bất động sản theo hình thức song chủ quyền.			
2. There <input type="checkbox"/> are <input type="checkbox"/> are not Insurance, Retirement Plans, IRAs, annuities, etc., payable to named beneficiaries. <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có các hợp đồng bảo hiểm, chương trình hưu trí, tài khoản tiết kiệm hưu trí cá nhân (IRA), niên kim, v.v. phải trả cho những người thụ hưởng được chỉ định.			
3. There <input type="checkbox"/> is <input type="checkbox"/> is not a potential claim for wrongful death arising under G.S. 28A-18.2. <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có cơ sở khả thi để yêu cầu bồi thường do lỗi của người gây ra cái chết chiếu theo G.S. 28A-18.2.			
Signature Of Applicant Chữ ký của người nộp đơn		Signature Of Co-Applicant Chữ ký của người cùng nộp đơn	
SWORN/AFFIRMED AND SUBSCRIBED TO BEFORE ME TUYÊN THỆ/XÁC NHẬN VÀ KÝ TÊN TRƯỚC MẶT TÔI		SWORN/AFFIRMED AND SUBSCRIBED TO BEFORE ME TUYÊN THỆ/XÁC NHẬN VÀ KÝ TÊN TRƯỚC MẶT TÔI	
Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Signature Of Person Authorized To Administer Oaths Chữ ký của người được ủy quyền chứng kiến đọc lời tuyên thệ	Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Signature Of Person Authorized To Administer Oaths Chữ ký của người được ủy quyền chứng kiến đọc lời tuyên thệ
<input type="checkbox"/> Deputy CSC Phó LSTTT	<input type="checkbox"/> Assistant CSC Phụ tá LSTTT	<input type="checkbox"/> Clerk Of Superior Court Lục Sự Tòa Thượng Thẩm	<input type="checkbox"/> Deputy CSC Phó LSTTT
<input type="checkbox"/> Assistant CSC Phụ tá LSTTT	<input type="checkbox"/> Clerk Of Superior Court Lục Sự Tòa Thượng Thẩm	<input type="checkbox"/> Deputy CSC Phó LSTTT	<input type="checkbox"/> Assistant CSC Phụ tá LSTTT
<input type="checkbox"/> Notary Công Chứng Viên	Date Commission Expires (mm/dd/yyyy) Thời hạn nhiệm vụ của tôi sẽ hết vào ngày (tháng/ngày/năm)	<input type="checkbox"/> Notary Công Chứng Viên	Date Commission Expires (mm/dd/yyyy) Thời hạn nhiệm vụ của tôi sẽ hết vào ngày (tháng/ngày/năm)
SEAL ĐÓNG DẤU	County Where Notarized Quận/hạt nơi đóng dấu công chứng	SEAL ĐÓNG DẤU	County Where Notarized Quận/hạt nơi đóng dấu công chứng

VUI LÒNG ĐIỀN VÀO PHIÊN BẢN TIẾNG VIỆT CỦA MÌNH TẠI ĐÂY